

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Ước
Bà Nguyễn Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Mạnh Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Trọng D, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Bùi Thị H khai rằng chị và anh Phạm Trọng D đăng ký kết hôn ngày 13/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2018 thì anh D tự dung bỏ nhà ra đi biệt tích mà không có lý do. Sau đó, chị đã làm đơn xin tuyên bố anh D mất tích và tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 01/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang đã tuyên bố anh D mất tích. Nay chị H xin ly hôn anh D để đi tìm hạnh phúc mới và yêu cầu được nuôi hai con chung của vợ chồng là Phạm Bảo Y, sinh ngày 09/4/2013 và Phạm Minh K,

sinh ngày 09/3/2019, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Phạm Trọng D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Quang Bình đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không nhận được văn bản hay tài liệu, chứng cứ nào từ anh D; anh D không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

Con chung trên 7 tuổi của vợ chồng là cháu Phạm Bảo Y, sinh ngày 09/4/2013 có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Phạm Trọng D; giao cháu Phạm Bảo Y, sinh ngày 09/4/2013 và cháu Phạm Minh K, sinh ngày 09/3/2019 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Phạm Trọng D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng cho con; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Bùi Thị H có đơn xin ly hôn anh Phạm Trọng D; anh D có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi bị tuyên bố mất tích là thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã bị tuyên bố mất tích và không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ, theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Phạm Trọng D đăng ký kết hôn ngày 13/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là kết hôn hợp pháp. Do anh D đã bị Tòa án tuyên bố là mất tích, chị H xin ly hôn để đi tìm hạnh phúc mới. Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 01/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang đã tuyên bố anh D mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và đến ngày

Tòa án mở phiên tòa thì anh D vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị H được ly hôn với anh D.

[4] Về con chung: Chị H có yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con; con chung trên 7 tuổi của vợ chồng là cháu Phạm Bảo Y có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ; bản thân anh D thì mất tích. Căn cứ các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị H trực tiếp nuôi hai con chung là Phạm Bảo Y (con gái), sinh ngày 09/4/2013 và Phạm Minh K (con trai), sinh ngày 09/3/2019; anh D không phải đóng góp cho chị H tiền cấp dưỡng cho con; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238, khoản 4 Điều 147, các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Phạm Trọng D.

- Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi hai con chung là Phạm Bảo Y (con gái), sinh ngày 09/4/2013 và Phạm Minh K (con trai), sinh ngày 09/3/2019; anh Phạm Trọng D không phải đóng góp cho chị Bùi Thị H tiền cấp dưỡng cho con; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004034 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại

Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mai Hồng